

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 - 24

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		4,257,886,563,972	4,415,854,655,531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	269,879,975,932	553,409,758,892
1. Tiền	111		96,813,613,409	56,879,758,892
2. Các khoản tương đương tiền	112		173,066,362,523	496,530,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	591,122,455,606	1,049,415,393,804
1. Đầu tư ngắn hạn	121		606,443,093,426	1,090,988,935,441
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(15,320,637,820)	(41,573,541,637)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,215,056,752,635	2,670,852,899,677
1. Phải thu khách hàng	131		220,326,235,091	461,714,572,009
2. Trả trước cho người bán	132	6	658,318,121,802	533,148,764,884
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2,346,119,765,500	1,685,696,932,542
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9,707,369,758)	(9,707,369,758)
IV. Hàng tồn kho	140	8	78,169,742,841	56,539,913,177
1. Hàng tồn kho	141		78,169,742,841	56,539,913,177
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		103,657,636,958	85,636,689,981
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9,139,913,982	3,961,433,304
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,150,899,128	41,890,277,119
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		51,727,217,840	22,371,116,527
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		31,639,606,008	17,413,863,031
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	200		4,562,071,665,711	4,374,642,805,482
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,020,435,690,960	1,850,230,051,213
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	9	2,020,435,690,960	1,850,230,051,213
II. Tài sản cố định	220		911,864,524,863	876,468,490,113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	635,582,717,560	648,712,483,022
- Nguyên giá	222		750,551,687,191	757,750,270,117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114,968,969,631)	(109,037,787,095)
2. Tài sản cố định vô hình	227		4,196,716,780	4,456,647,877
- Nguyên giá	228		7,196,464,455	7,196,464,455
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,999,747,675)	(2,739,816,578)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	272,085,090,523	223,299,359,214
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,275,564,751,202	1,261,075,071,503
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1,168,711,106,002	1,154,221,426,303
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	106,853,645,200	106,853,645,200
IV. Tài sản dài hạn khác	260		32,335,339,768	32,415,322,396
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	25,326,685,292	26,404,660,907
2. Tài sản dài hạn khác	268		7,008,654,476	6,010,661,489
V. Lợi thế thương mại	269	15	321,871,358,918	354,453,870,257
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8,819,958,229,683	8,790,497,461,013

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4,898,287,119,755	4,809,775,142,251
I. Nợ ngắn hạn	310		2,249,687,905,801	2,173,129,177,015
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	229,670,066,213	234,835,666,213
2. Phải trả người bán	312		101,124,793,127	120,088,639,151
3. Người mua trả tiền trước	313		13,938,440,650	5,024,503,791
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	9,994,566,300	14,380,002,706
5. Phải trả người lao động	315		4,757,855,404	5,172,084,259
6. Chi phí phải trả	316		246,826,875,859	155,128,271,010
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	18	1,641,036,594,517	1,635,403,583,294
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,153,322,591	3,096,426,591
II. Nợ dài hạn	330		2,648,599,213,954	2,636,645,965,236
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	484,478,305,654	479,556,310,437
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	2,151,348,907,435	2,144,448,907,435
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		11,997,592,275	11,997,592,275
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		774,408,590	643,155,089
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		3,383,499,271,290	3,377,223,336,702
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	3,383,499,271,290	3,377,223,336,702
1. Vốn điều lệ	411		3,000,000,000,000	3,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,286,825,482	1,286,825,482
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10,000)	(10,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		53,365,785,535	53,365,785,535
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		26,933,810,109	26,933,810,109
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5,711,102,819	5,711,102,819
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		296,201,757,345	289,925,822,757
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		538,171,838,638	603,498,982,060
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		8,819,958,229,683	8,790,497,461,013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	227,863,948,948	281,230,610,705	227,863,948,948	281,230,610,705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	44,381,077	68,154,622	44,381,077	68,154,622
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		227,819,567,871	281,162,456,083	227,819,567,871	281,162,456,083
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	158,158,334,417	234,656,878,175	158,158,334,417	234,656,878,175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69,661,233,454	46,505,577,908	69,661,233,454	46,505,577,908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	68,570,964,398	48,654,311,875	68,570,964,398	48,654,311,875
7. Chi phí tài chính	22	25	60,693,363,563	39,452,643,663	60,693,363,563	39,452,643,663
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60,649,326,005	36,428,226,831	60,649,326,005	36,428,226,831
8. Chi phí bán hàng	24		12,329,688,107	5,197,483,617	12,329,688,107	5,197,483,617
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45,902,720,365	29,514,376,312	45,902,720,365	29,514,376,312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,306,425,817	20,995,386,191	19,306,425,817	20,995,386,191
11. Thu nhập khác	31		598,781,883	13,822,244	598,781,883	13,822,244
12. Chi phí khác	32		1,829,623,932	122,444,217	1,829,623,932	122,444,217
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,230,842,049)	(108,621,973)	(1,230,842,049)	(108,621,973)
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		27,735,758,114	46,564,807,127	27,735,758,114	46,564,807,127
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		45,811,341,882	67,451,571,345	45,811,341,882	67,451,571,345
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7,133,154,516	9,364,683,180	7,133,154,516	9,364,683,180
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		38,678,187,366	58,086,888,165	38,678,187,366	58,086,888,165
Trong đó:						
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2,931,123,698	(1,255,560,555)	2,931,123,698	(1,255,560,555)
18.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		35,747,063,668	59,342,448,720	35,747,063,668	59,342,448,720
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	119	237	119	237

Kế toán



Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuyên



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN/HIN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	45,811,341,882	67,451,571,345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6,319,925,285	1,827,510,719
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lợi thế thương mại phân bổ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	11,838,999,219 (89,236,951,238)	11,566,203,791 (48,654,311,875)
Chi phí lãi vay	06	60,649,326,005	36,428,226,831
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35,382,641,153	68,619,200,811
Biến động các khoản phải thu	09	(547,036,726,425)	715,449,253,365
Biến động hàng tồn kho	10	(21,629,829,664)	(1,589,218,476)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(71,950,867,122)	(471,646,972,140)
Biến động chi phí trả trước và chi phí khác	12	79,982,628	(6,663,296,213)
Tiền lãi vay đã trả	13	(18,895,112,767)	(36,428,226,831)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,395,897,751)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5,053,248,718	80,007,106,946
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(135,724,860,470)	(57,322,326,330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(761,117,421,700)	290,425,521,132
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17,613,635,126)	(20,840,341,571)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(111,220,000,000)	(220,392,405,257)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị	24	564,593,745,832	57,000,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(25,971,524,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,844,128,034	35,231,013,225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	460,604,238,740	(174,973,257,603)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	55,900,000,000	115,962,418,986
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38,916,600,000)	(112,348,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(249,950,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16,983,400,000	(246,335,581,014)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(283,529,782,960)	(130,883,317,485)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	553,499,758,892	328,609,725,942
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	269,879,975,932	197,726,408,457

Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán

Hoàng Văn Tuyên
Kế toán trưởng

Phó Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 11 số 0102278484 ngày 15 tháng 12 năm 2011 bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 là 1409 (tại ngày 31/12/2011: 1.314).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng, các công trình hạ tầng, công trình công nghiệp, công trình dân dụng;
- Giới thiệu xúc tiến thương mại;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình;
- Quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Buôn bán lương thực, thực phẩm, đồ hộp, nước tinh khiết, nước giải khát, dầu ăn các loại;
- Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm 2009, Công ty thực hiện đầu tư và nắm cổ phần chi phối trong Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương từ ngày 01 tháng 01 năm 2009; Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương từ ngày 31 tháng 12 năm 2009 và đã hợp nhất các báo cáo tài chính của các công ty con này trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm 2009. Công ty sử dụng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của các công ty con này tại ngày mua và so sánh với giá mua để xác định lợi thế thương mại thay vì sử dụng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại giá trị của các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính 2009 bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại các công ty con để xem xét giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do tính chất phức tạp của việc phân bổ phần phụ trội mua cổ phần công ty con nên Công ty không thể thực hiện phân bổ vào tài sản, công nợ, công nợ tiềm tàng và tính toán lại giá trị lợi thế thương mại. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc không phân bổ này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như cho kỳ hoạt động bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08
Tài sản cố định khác	3 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền thuê đất và giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí quảng cáo, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng

Đối với Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo****Doanh thu chuyển nhượng bất động sản***

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện huy động vốn từ các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã góp vốn tham gia đầu tư. Tại ngày lập báo cáo này, các hợp đồng này vẫn đang được thực hiện và đã chuyển sang hình thức hợp đồng mua bán bất động sản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ góp vốn của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	6.684.556.051	3.173.150.341
Tiền gửi ngân hàng	90.129.057.358	47.203.699.211
Tiền đang chuyển	-	6.502.909.340
Các khoản tương đương tiền (i)	173.066.362.523	496.530.000.000
	269.879.975.932	553.409.758.892

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2011	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	243.399.585.560	293.340.427.575
Đầu tư ngắn hạn khác	363.043.507.866	797.648.507.866
- Cho vay ngắn hạn	53.000.000.000	164.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác:	310.043.507.866	633.648.507.866
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông TVShopping</i>	<i>11.250.000.000</i>	<i>11.250.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Fafilm thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>3.571.425.000</i>	<i>3.571.425.000</i>
<i>Bà Hứa Thị Bích Hạnh</i>	<i>40.000.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An</i>	<i>146.327.082.866</i>	<i>146.327.082.866</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương</i>	<i>15.100.000.000</i>	<i>392.500.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Ninh Bình Plaza</i>	<i>7.235.000.000</i>	-
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	<i>6.560.000.000</i>	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(15.320.637.820)	(41.573.541.637)
	591.122.455.606	1.049.415.393.804

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	296.738.604.707	199.492.551.037
Công ty TNHH VNT	72.793.058.146	67.959.163.830
Đình Ánh Phương	13.615.714.940	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	227.449.697.728	227.449.697.728
Các đối tượng khác	47.721.046.281	38.247.352.289
	658.318.121.802	533.148.764.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	346,312,345,695	367,136,894,634
Công ty Cổ phần Bảo Lĩnh	583,056,498,267	563,722,758,335
DN tư nhân Hà bảo	99,000,000,000	0
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	35,481,757,720	34,088,952,165
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	22,064,000,000	21,055,416,668
Công ty cổ phần đầu tư và XD Bảo Minh	16,559,583,333	0
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	114,612,000,000	109,425,000,000
Phải thu khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (b)	233,073,268,671	15,103,717,500
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	133,826,000,000	133,182,000,000
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	21,800,000,000	21,800,000,000
Ông Hà Trọng Nam	48,423,611,110	26,305,555,555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	227,631,200,000	227,631,200,000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	10,000,000,000	11,863,750,000
Ngân hàng TMCP Đệ nhất	10,010,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	60,000,000,000	60,000,000,000
Ông Trịnh Bảo Trung	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	0	-
Bà Nguyễn Thị Xuyên	6,737,500,000	6,737,500,000
Ông Trịnh Tuấn Dương	5,615,000,000	7,515,000,000
Công ty TNHH VNT	272,000,000,000	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	0	8,890,500,000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	599,750,000	2,069,505,557
Phải thu khác	89,317,250,704	49,169,182,128
	2,346,119,765,500	1,685,696,932,542

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9,810,611,078	8,804,542,682
Công cụ, dụng cụ	10,781,268,066	9,974,418,296
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	56,135,273,589	35,924,395,540
Hàng hoá	1,442,590,108	1,836,556,659
	78,169,742,841	56,539,913,177

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi ra để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Sonakali International	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vinaconex)	557.885.342.637	573.093.675.966
Công ty TNHH VNT	250.553.500.000	0
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Euro Metal Cans Holding Co PTE.LTD	85.100.000.000	85.100.000.000
Công ty TNHH Togi Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	160.732.000.000	160.732.000.000
Công ty Cổ phần SSG Văn Thành	148.226.211.840	148.226.211.840
Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư Phát triển - T&T Express	68.007.134.468	68.007.134.468
Công ty TNHH 5G Studio_Collaborative	1.160.336.842	1.160.336.842
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	66.000.000.000	66.000.000.000
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	20.934.944.173	86.488.444.173
Công ty Cổ phần Licogi 19	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	22.500.000.000	22.500.000.000
Bộ tư lệnh Quân đội Bộ đội Biên phòng	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	1.336.221.000	922.247.924.00
	2.020.435.690.960	1.850.230.051.213

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	532,361,378,738	203,590,413,757	13,367,748,598	3,146,955,993	5,283,773,031	757,750,270,117
Mua trong kỳ	55,500,000	70,572,727	-	166,987,636	3,287,622,913	3,580,683,276
Tăng từ XD Cơ Bản	-	-	-	-	-	-
Tăng từ Hợp nhất K.D	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(633,814,790)	-	-	-	-	(633,814,790)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(8,622,524,910)	(731,084,636)	-	(791,841,866)	(10,145,451,412)
Tại ngày 31/03/2012	531,783,063,948	195,038,461,574	12,636,663,962	3,313,943,629	7,779,554,078	750,551,687,191
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	35,686,192,098	63,754,633,359	6,410,204,691	1,046,773,080	2,139,983,867	109,037,787,095
Khấu hao trong năm	3,935,880,944	1,463,835,346	313,111,725	145,347,193	201,818,980	6,059,994,188
Tăng từ Hợp nhất K.D	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(128,811,652)	-	-	-	-	(128,811,652)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2012	39,493,261,390	65,218,468,705	6,723,316,416	1,192,120,273	2,341,802,847	114,968,969,631
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/03/2012	492,289,802,558	129,819,992,869	5,913,347,546	2,121,823,356	5,437,751,231	635,582,717,560
Tại ngày 31/12/2011	496,675,186,640	139,835,780,398	6,957,543,907	2,100,182,913	3,143,789,164	648,712,483,022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	220.116.401.263	559.520.215.687
Tăng trong năm	57.254.239.760	232.916.735.667
Kết chuyển sang tài sản cố định	(5.285.550.500)	(357.733.179.331)
Kết chuyển sang giá vốn công trình	-	-
Giảm khác (i)	-	(211.404.412.809)
Tại ngày cuối kỳ	272.085.090.523	223.299.359.214

(*) Giảm khác trong năm 2011 là khoản xây dựng cơ bản Khu Công nghiệp Minh Đức của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT (công ty con trong năm 2010 của Công ty) đã chuyển nhượng cổ phần trong kỳ và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính này.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/3/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.108.435.361.107	1.094.518.544.832
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	60.275.744.895	59.702.881.471
	1.168.711.106.002	1.154.221.426.303

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia	77.361.845.200	77.361.845.200
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	16.150.000.000	16.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam	3.341.800.000	3.341.800.000
	106.853.645.200	106.853.645.200

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	24.529.337.108	14.068.949.171
Tăng trong năm	2.951.606.397	39.054.711.977
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.154.258.213)	(26.719.000.241)
Tại ngày cuối kỳ	25.326.685.292	26.404.660.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. LỢI THÈ THƯƠNG MẠI

	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	354.453.870.257	389.045.720.590
Tăng trong năm	-	5.555.183.783
Phân bổ trong năm	(11.838.999.219)	(11.566.203.791)
Giảm khác	(20.743.512.120)	(18.255.512.869)
Tại ngày cuối kỳ	321.871.358.918	364.779.187.713

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	229,670,066,213	219,670,066,213
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	162.670.066.213	152.670.066.213
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	67.000.000.000	67.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	15.165.600.000
	229,670,066,213	234,835,666,213

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.165.866.550	4.269.598.435
Thuế tiêu thụ đặc biệt	47.931.161	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.272.449.655	8.593.074.029
Thuế thu nhập cá nhân	1.046.556.732	1.414.342.251
Các loại thuế khác	461.762.202	102.987.991
	9,994,566,300	14,380,002,706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	785.893,196,613	1.022,213,367,677
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	206,172,222,221	200,611,111,111
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	251,056,250,000	15,146,666,667
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	52,533,333,334	50,131,944,445
Phải trả, phải nộp khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	15,158,276,737
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	22,615,328,784	11,297,463,524
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI	145,500,900,000	140,662,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	91,500,000,000	91,500,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh	-	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	65,400,000,000	45,400,000,000
Cổ tức phải trả	50,000,000	50,000,000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	6,633,600,000	6,633,600,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ HTC Việt Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
Phải trả, phải nộp khác	3,681,763,565	6,598,653,132
	1,641,036,594,517	1,635,403,583,294

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	430,000,000,000	430,000,000,000
Nhận góp vốn, đặt cọc từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án bất động sản	41,766,599,972	37,333,738,861
Phải trả dài hạn khác	12,711,705,682	12,222,571,576
	484,478,305,654	479,556,310,437

(*) Phân ánh khoản tiền Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (công ty liên kết của Công ty) ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (công ty con của Công ty) để mua một phần dự án "Đầu tư xây dựng khai thác Khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Nam Trần Duy Hưng".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Linh	500.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	420.106.907.435	424.206.907.435
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	31.242.000.000	35.407.600.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	(15.165.600.000)
	2.151.348.907.435	2.144.448.907.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2011	2,500,000,000,000	425,600,000,000	-	1,286,825,482	-	1,997,528,232	1,231,292,038	428,941,827	325,959,814,592	3,256,504,402,171	170,185,579,208	(10,000)	(74,400,000,000)	(1,019,758,173)	(48,195,015,366)	(251,861,138)	3,256,504,402,171	170,185,579,208	(10,000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thương	500,000,000,000	(425,600,000,000)	(10,000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	50,338,118,131	25,169,059,065	2,000,000,000	(78,526,935,369)	(1,019,758,173)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ của các công ty con	-	-	-	-	-	1,030,139,172	533,459,006	3,282,160,992	(53,040,774,536)	(48,195,015,366)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(251,861,138)	(251,861,138)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	3,000,000,000,000	-	(10,000)	1,286,825,482	53,365,785,535	26,933,810,109	5,711,102,819	289,925,822,757	3,377,223,336,702	35,747,063,668	(29,471,129,080)	(74,400,000,000)	(1,019,758,173)	(48,195,015,366)	(251,861,138)	3,377,223,336,702	35,747,063,668	(29,471,129,080)	(74,400,000,000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	3,000,000,000,000	-	(10,000)	1,286,825,482	53,365,785,535	26,933,810,109	5,711,102,819	296,201,757,345	3,383,499,271,290	35,747,063,668	(29,471,129,080)	(74,400,000,000)	(1,019,758,173)	(48,195,015,366)	(251,861,138)	3,383,499,271,290	35,747,063,668	(29,471,129,080)	(74,400,000,000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102278484 thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

c. Các Quỹ

Theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty. Công ty đã trích lập các Quỹ Dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của Công ty.

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2010. Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2010 là 10% trên vốn điều lệ. Số cổ tức này đã được trích trước trong năm 2010 theo Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐQT ngày 6/12/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2010. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã thanh toán khoản cổ tức này với số tiền là 249.950.000.000 đồng cho các cổ đông, số tiền còn lại chưa thanh toán hết là 50.000.000 đồng đang được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

e. Cổ phiếu

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	1	1
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	299.999.999	299.999.999

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

22. DOANH THU

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	227,863,948,948	281,230,610,705
Doanh thu bán hàng	27,796,809,409	120,284,381,140
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38,151,555,079	40,007,193,533
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (a)	23,517,371,983	52,676,260,726
Doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản (b)	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	17,380,335,802	26,772,121,050
Doanh thu kinh doanh khách sạn	60,861,876,702	-
Doanh thu hoạt động chứng khoán	60,155,999,973	41,490,654,256
Các khoản giảm trừ doanh thu	44,381,077	68,154,622
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	227,819,567,871	281,162,456,083

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	19,950,193,436	114,760,556,860
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34,311,238,532	27,891,403,766
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	11,649,005,487	33,366,021,769
Giá vốn chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-	-
Giá vốn hoạt động xây dựng	15,254,694,363	23,338,291,862
Giá vốn kinh doanh khách sạn	29,625,586,005	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán	47,367,616,594	35,300,603,918
	158,158,334,417	234,656,878,175

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác đầu tư	67,998,100,977	48,654,311,875
Doanh thu tài chính khác	572,863,421	-
	68,570,964,398	48,654,311,875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Chi phí lãi vay	60,649,326,005	36,428,226,831
Chi phí tài chính khác	44,037,558	3,024,416,832
	60,693,363,563	39,452,643,663

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý I Năm 2012 VND	Quý I Năm 2011 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	35,747,063,668	59,342,448,720
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	299,999,999	250,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	119	237

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo hợp đồng hợp tác ba bên giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, Công ty TNHH VNT và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và/hoặc Công ty TNHH VNT (hoặc một bên do hai bên chỉ định) sẽ mua lại 7.000.000 cổ phần của Vinaconex trong Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long.

Công ty cam kết sẽ góp vốn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thực hiện dự án "Xây dựng nhà chung cư" tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông. Tổng số vốn góp sẽ tương đương 48,15% vốn góp vào Dự án. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã góp được 64,953,500,000 đồng.

Công ty cam kết sẽ góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định để Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định thực hiện dự án "Trung tâm thiết kế thời trang và cao ốc văn phòng cho thuê" tại số 106, đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Giày da May mặc Xuất khẩu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Tổng số vốn góp là 600 tỷ đồng, tương đương 75% vốn góp vào Dự án. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã góp được 22.500.000.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 22.500.000.000 đồng).

Theo thỏa thuận đặt cọc mua khu thương mại thuộc dự án SSG Tower của Công ty Cổ phần SSG Văn Thành tại thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 799.453.347.840 đồng. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã thanh toán được 148.226.211.840 đồng - tương đương 7.684.096 USD, (31 tháng 12 năm 2010: 73.306.275.840 đồng tương đương 3.842.048 USD).

Công ty cam kết góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe - Star City Lê Văn Lương" tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 803.719.287.000 đồng. Số tiền đã góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2012 là 361.487.752.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 321.487.752.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cam kết góp vốn cho Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án "Công trình hỗn hợp Nhà ở, Rạp chiếu phim, Văn phòng và Chung cư" tại 19 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 356.692.500.000 đồng. Số tiền đã góp đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 là 321.023.250.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 161.172.360.000 đồng).

Công ty cam kết sẽ hợp tác đầu tư cùng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam và các bên có liên quan thành lập một công ty cổ phần để thực hiện dự án "Xây dựng cầu Thu Thiêm 2" tại thành phố Hồ Chí Minh, sau khi Vinaconex được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Dự án này. Phần vốn dự kiến của Công ty trong công ty mới thành lập này là 20%. Số tiền đã chuyển cho Vinaconex đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 là 3.093.675.966 đồng để thanh toán các chi phí liên quan đến dự án.

